TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PĂH** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 10/9/2024
"*V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hòa.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Hải;
2. Bà Hoàng Thị Bình.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 10tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 29/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc*"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1976
Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai.
Chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã B, Tp ., tỉnh Gia Lai. Có mặt
-*Bị đơn*: Ông Trần Văn C1, sinh năm 1968
Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2024, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích C và ông Trần Văn C1 chung sống với nhau từ năm 2005, đến ngày 11/4/2006 ông bà mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống bà với ông C1 sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do ông C1 gia trưởng, đi làm không đưa tiền cho vợ nuôi con, không quan tâm đến gia đình, không tôn trọng bà, ngoài ra ông C1 còn đi uống rượu nhiều lần rồi về đánh đập bà. Từ đó bà thấy cuộc sống của vợ chồng rất áp lực, mệt mỏi, bà với ông C1 sống ly thân đã hơn một năm nay, vợ chồng không còn tình cảm và quan tâm đến nhau, vì vậy bà C làm đơn đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn C1.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích C và ông Trần Văn C1 có 01 con chung là Trần Văn Duy L, sinh ngày 06/6/2006.

Tại đơn khởi kiện bà C có nguyện vọng được nuôi trực tiếp con chung và không yêu cầu ông C1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Tuy nhiên hiện nay con đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên bà C không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà C không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Bích C không có yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn là ông Trần Văn C1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông C1 không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án không lấy được ý kiến của ông C1 đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thị Bích C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích C và ông Trần Văn C1 có đăng ký kết hôn ngày 11/4/2006 theo giấy chứng nhận kết hôn số 30 do tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng cấp. Nên hôn nhân giữa bà C và ông C1 là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Trong quá trình chung sống, bà C cho rằng bà với ông C1 sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do ông C1 gia trưởng, đi làm không đưa tiền cho vợ nuôi con, không quan tâm đến gia đình, không tôn trọng bà, ngoài ra ông C1 còn đi uống rượu nhiều lần rồi về đánh đập bà. Từ đó bà thấy cuộc sống của vợ chồng rất áp lực, mệt mỏi. Bà với ông C1 sống ly thân đã hơn một năm nay, vợ

chồng không còn tình cảm và quan tâm đến nhau, vì vậy bà C làm đơn đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn C1.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng ông C1 không lên Tòa án làm việc và không có ý kiến gửi cho Tòa án cho thấy ông C1 đã từ bỏ quyền lợi của mình, không muốn hàn gắn tình cảm với bà C và chính quyền địa phương cũng các nhận bà C và ông C1 không còn chung sống với nhau. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà C và ông C1 đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà C là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích C và ông Trần Văn C1 có 01 con chung là Trần Văn Duy L, sinh ngày 06/6/2006.

Hiện nay con đã thành niên, có khả năng lao động, nên bà C không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung khác: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích C được ly hôn với ông Trần Văn C1.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Bích C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà C đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0008206 ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND h. Chư Păh;
-THADS h. Chư Păh;
-UBND p. Hòa Thuận Đông;
-Đương sự;
-Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hòa